



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 5.19

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62518850200000001	NGUYEN THI KIM QUY	女	2002-07-22	001302005765	LE 5.19	
2	H62518850200000002	TRAN THI VAN GIANG	女	2004-12-03	001304024977	LE 5.19	
3	H62518850200000003	NGUYEN PHUONG THAO	女	2004-11-21	001304031545	LE 5.19	
4	H62518850200000004	NGUYEN THI HA LINH	女	2008-08-15	001308009559	LE 5.19	
5	H62518850200000005	NGUYEN THI THUY	女	2002-10-12	026302001887	LE 5.19	
6	H62518850200000006	NGUYEN THI LAN ANH	女	2002-07-23	026302010315	LE 5.19	
7	H62518850200000007	HOANG THI THU UYEN	女	2000-09-24	027300001055	LE 5.19	
8	H62518850200000008	NGUYEN THI QUYNH TRANG	女	2005-07-10	027305005310	LE 5.19	
9	H62518850200000009	DUONG THI KHANH HUYEN	女	1999-09-29	034199005318	LE 5.19	
10	H62518850200000010	LUONG THI HUYEN TRANG	女	1994-11-22	035194008887	LE 5.19	
11	H62518850200000011	NGUYEN NGOC QUAN	男	1995-11-23	036095009036	LE 5.19	
12	H62518850200000012	NGO MINH HIEU	男	1998-06-11	036098000324	LE 5.19	
13	H62518850200000013	NGUYEN THI LAN ANH	女	2003-03-26	038303021714	LE 5.19	
14	H62518850200000014	CHU THI THAO	女	1998-06-20	040198025639	LE 5.19	